

Số: 242/QĐ-KHVN

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” giai đoạn 2021 – 2030

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 122/TTg ngày 29/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội Khuyến học Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”;


Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021 – 2030”;

Theo đề nghị của Thường trực Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn tổ chức đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” giai đoạn 2021 – 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Chấp hành Trung ương Hội, Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn của cơ quan Trung ương Hội, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**TM. BAN CHẤP HÀNH TW HỘI
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Doan

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để phối hợp);
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Các Bộ, các Tổ chức chính trị, xã hội có liên quan đến Quyết định 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 (để phối hợp);
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Hội Khuyến học các tỉnh, thành phố;
- Lưu VP.

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM

BỘ TIÊU CHÍ – HƯỚNG DẪN

**Đánh giá công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”,
“Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”,
“Đơn vị học tập” giai đoạn 2021 – 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 242/QĐ-KHVN, ngày
28/7/2022)*

A- CÁC BỘ TIÊU CHÍ KHUNG

I. Mô hình “Gia đình học tập”

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá (đã bổ sung và sửa đổi)	Điểm
I. Kết quả học tập của gia đình (60 điểm)	1. Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường, hoàn thành phổ cập giáo dục theo quy định.	10
	2. Kết quả học tập của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ngay từ bậc tiểu học, trẻ em đã có kỹ năng tối thiểu học tập trực tuyến do nhà trường tổ chức theo quy định.	10
	3. Hạnh kiểm của học sinh, sinh viên phải đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trẻ em phải lễ phép với mọi người trong gia đình, khu dân cư và ngoài xã hội; Đoàn viên thanh niên phải hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu phấn đấu theo quy định của tổ chức Đoàn TNCSHCM; tích cực tham gia các hoạt động chung ở địa phương nơi cư trú.	10
	4. 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên. Người cao tuổi còn sức khỏe tham gia học tập ít nhất 01 nội dung bổ ích, phục vụ cho cuộc sống hàng ngày.	15
	5. - 90% cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số và chuyên môn theo quy định của Nhà nước; - 70% người lớn là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được tìm hiểu hoặc học tập các chương trình giáo dục kỹ năng sống; - 40% người lớn trong gia đình đạt danh hiệu công dân học tập;	15
II. Điều kiện học tập của gia đình (20 điểm)	6. Mọi người trong gia đình giúp đỡ nhau, tạo điều kiện học tập tại trường học, trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa, thư viện..., dự các hội nghị, hội thảo. Gia đình có hình thức khen thưởng, động viên các thành viên trong gia đình tích cực tự học, học tập thường xuyên.	10
	7. Gia đình có góc học tập cho trẻ em, có sách báo, TV, máy tính nối mạng hoặc điện thoại thông minh để mọi người có điều kiện tự học và học tập thường xuyên. - Người lớn là cán bộ, công chức, viên chức trong gia đình biết ít nhất 01 ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số (theo quy định) để sử dụng vào công việc...	10

III. Tác dụng của học tập đối với gia đình (20 điểm)	8. Gia đình biết xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp phần tích cực phát triển kinh tế gia đình và địa phương. Gia đình thoát nghèo hoặc có cuộc sống khá trở lên, ai cũng có nghề hoặc việc làm ổn định (trừ những người đã hết tuổi lao động).	10
	9. Gia đình sống hòa thuận, gắn bó, chia sẻ với các gia đình trong thôn, bản, tổ dân phố. Tích cực tham gia công tác khuyến học, các cuộc vận động như “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào khác ở địa phương. Tích cực gìn giữ môi trường xanh, sạch, đẹp; thực hiện tốt quy định của pháp luật.	10

II. Mô hình “Dòng họ học tập”

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập của dòng họ (55 điểm)	1. 80% số gia đình trong dòng họ đạt danh hiệu “Gia đình học tập” (60% đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn). - Trẻ khuyết tật cũng được học tập (trừ trường hợp ốm đau, bệnh tật quá nặng hoặc không có khả năng học tập). - 90% đoàn viên, thanh niên trong dòng họ theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20
	2. 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên	15
	3. 40% người lớn trong dòng họ đạt danh hiệu “Công dân học tập”	20
II. Điều kiện học tập của dòng họ (25 điểm)	4. Dòng họ có nhiều hình thức động viên, khen thưởng kịp thời đối với những thành viên có tinh thần tự học và tham gia học tập thường xuyên, giúp đỡ các gia đình khó khăn, bảo đảm con em trong dòng họ đều được đi học và đạt yêu cầu của Bộ GDĐT.	15
	5. Quỹ Khuyến học của dòng họ đạt từ 32.000- 35.000 đồng/đầu người và ngày càng tăng.	10

III. Tác dụng của học tập đối với dòng họ (20 điểm)	6. Trong dòng họ không có hộ nghèo. Các gia đình trong dòng họ đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Mọi người trong độ tuổi lao động đều có nghề hoặc việc làm ổn định.	10
	7. Dòng họ tích cực tham gia các phong trào: xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; <i>phát triển văn hóa đọc, tham gia học tập trong THTCD, nhà văn hóa, thư viện...</i> và các phong trào khác liên quan của địa phương.	10

III. Mô hình “Cộng đồng học tập”

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập của cộng đồng (50 điểm)	1. 80% số gia đình trong thôn bản/tổ dân phố đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập” (60% đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn); trong đó 70% trở lên số gia đình đăng ký đạt danh hiệu “Gia đình học tập”.	20
	2. 40% người trong độ tuổi lao động đạt danh hiệu công dân học tập - 90% đoàn viên, thanh niên trong cộng đồng theo học các khóa ngắn hạn để có kỹ năng sử dụng các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc.	20
	3. - 100% người lớn học tập thường xuyên; tối thiểu đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 - 100% người trong độ tuổi từ 16-60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 trở lên theo quy định; đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn từ 90% trở lên.	10
II. Điều kiện học tập của cộng đồng (30 điểm)	4. Chi bộ đảng và thôn bản/tổ dân phố có kế hoạch và chỉ tiêu phấn đấu xây dựng các mô hình: gia đình học tập, cộng đồng học tập, công dân học tập.	10
	5. Chi hội Khuyến học của thôn bản/tổ dân phố tổ chức động viên, khen thưởng kịp thời với những người tích cực học tập thường xuyên. Quỹ khuyến học của thôn bản/tổ dân phố đạt mức từ 32.000đ - 35.000đ/đầu người và ngày càng tăng lên.	10

	6. Trong thôn bản/tổ dân phố có ít nhất 02 trong các phương tiện học tập cộng đồng (tủ sách, thư viện, phòng sinh hoạt chung, phương tiện truyền thanh, truyền hình, máy tính...)	10
III. Tác dụng của học tập đối với cộng đồng (20 điểm)	7. Trong thôn bản/tổ dân phố, mọi người trong tuổi lao động ai cũng có việc làm. Không có hộ nghèo.	10
	8. Nhân dân trong thôn bản/tổ dân phố <i>tích cực tham gia học tập tại TTHTCĐ, nhà văn hóa, thư viện</i> ; triển khai/tham gia các cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, “xây dựng nông thôn mới”, “xây dựng khu đô thị văn minh”;	10

IV. Mô hình “Đơn vị học tập”

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Điểm
I. Kết quả học tập của đơn vị (50 điểm)	1. 90% cán bộ, công chức, viên chức được cung cấp, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng sống cần thiết.	10
	2. - 90% cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập các chương trình theo quy định của nhà nước, của đơn vị hoặc của đoàn thể. - 90% lao động trong các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể có trình độ trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.	10
	3. - 90% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về chuyển đổi số, kỹ năng số để sử dụng các thiết bị số trong công việc; - 40% cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc.	10
	4. 60% cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu “Công dân học tập”	20
II. Điều kiện học tập của đơn vị (30 điểm)	5. Cấp ủy và lãnh đạo đơn vị có kế hoạch, có chỉ tiêu thi đua hàng năm đối với việc học tập trong đơn vị, tạo môi trường thuận lợi để các thành viên phấn đấu trở thành công dân học tập; bố trí kinh phí hàng năm cho công tác đào tạo Các tổ chức đoàn thể trong đơn vị có giải pháp và trách nhiệm động viên, thúc đẩy thành viên của mình học tập thường xuyên đạt kết quả tốt.	10

	6. Đơn vị có các phương tiện phục vụ cho việc học tập thường xuyên của các thành viên, nhất là các trang thiết bị kỹ thuật số để học tập và truy cập thông tin chính thống trên mạng internet.	10
	7. Tổ chức khuyến học của đơn vị hoạt động có nề nếp, hiệu quả. Xây dựng Quỹ khuyến học của đơn vị, phấn đấu đạt mức bình quân từ 32.000đ – 35.000đ/đầu người và ngày càng tăng.	10
III. Tác dụng của học tập đối với đơn vị (20 điểm)	8. Hằng năm, đơn vị đạt danh hiệu thi đua từ “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ với Nhà nước; không vi phạm pháp luật. Các thành viên trong đơn vị tích cực tham gia các cuộc vận động trong cộng đồng.	10
	9. Gia đình của các thành viên thuộc đơn vị đều đăng ký phấn đấu xây dựng “gia đình học tập”, trong đó 80% gia đình cán bộ, công chức, viên chức đạt danh hiệu “Gia đình học tập”	10

B- HƯỚNG DẪN

Việc triển khai đánh giá, công nhận các Danh hiệu học tập
Theo Quyết định 387/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ
(Sau đây gọi là Chương trình 387)

Trong giai đoạn 2014 – 2020, các Hội Khuyến học địa phương đã có kinh nghiệm trong việc đánh giá công nhận các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” tại Đề án 281 (theo hướng dẫn tại Quyết định số 448/QĐ-KHVN ngày 01/12/2015 của Trung ương Hội KHVN). Đồng thời, các Hội địa phương cũng đã tiếp cận Kế hoạch số 123/KH-KHVN ngày 14/4/2022 về việc thực hiện Chương trình 387, nên đã có thời gian nghiên cứu Bộ tiêu chí đánh giá các mô hình học tập (có chỉnh sửa, bổ sung so với giai đoạn 2014-2020) được quy định tại Chương trình 387.

Giai đoạn 2022-2030, về cơ bản, quy trình đánh giá, công nhận các mô hình học tập vẫn dựa theo hướng dẫn tại Quyết định số 448/QĐ-KHVN ngày 01/12/2015 của Trung ương Hội KHVN; tuy nhiên, các Hội địa phương cần quan tâm, thực hiện một số những điểm sau:

1. Vận dụng linh hoạt việc đánh giá, công nhận các mô hình học tập theo Bộ tiêu chí dùng cho việc đánh giá mô hình học tập trên địa bàn hành chính cấp xã giai đoạn 2022 – 2030, xong phải bảo đảm các nguyên tắc:

a) Không thay đổi 3 tiêu chí đánh giá cơ bản: Kết quả học tập, Điều kiện học tập, Tác dụng của học tập;

b) Vẫn giữ đúng 9 chỉ số đánh giá;

c) Có thể bổ sung những chi tiết trong từng chỉ số đo, nhưng những tỷ lệ về người đạt chuẩn biết chữ, về cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo về chuyển đổi số, về công dân học tập... phải giữ nguyên vì đây là những tỷ lệ quy định trong Quyết định 387/QĐ-TTg;

d) Với các chỉ số đo, nếu không đạt đầy đủ thì không cho điểm tối đa. Tùy vào mức độ đạt được cụ thể để xác định mức điểm tương xứng. Riêng với chỉ số 5 thuộc tiêu chí I của mô hình “Gia đình học tập”; chỉ số 3 thuộc tiêu chí I của mô hình “Dòng họ học tập”, chỉ số 2 thuộc tiêu chí I của mô hình “Cộng đồng học tập” và chỉ số 4 thuộc tiêu chí I của mô hình “Đơn vị học tập” mà không đạt đầy đủ thì cho điểm 0.

2. Trong báo cáo tổng kết về số lượng và tỷ lệ các mô hình học tập trên địa bàn hành chính cấp xã được bình chọn phải ghi rõ tỷ lệ người đạt danh hiệu “Công dân học tập” so với tổng số dân trên địa bàn.

3. Để không bị xáo trộn cách đánh giá, bình chọn các mô hình học tập, các khâu thẩm định báo cáo, xác lập minh chứng, tổng hợp thành tích, hoàn thiện báo cáo vẫn tiến hành theo cơ chế và sự phân công như đã thực hiện trong giai đoạn 2014 – 2020.

4. Hội Khuyến học cơ sở tập hợp hồ sơ đã được bình chọn trình UBND cấp xã ra quyết định công nhận các mô hình học tập.

5. Báo cáo tổng hợp về kết quả xây dựng các mô hình học tập ở cấp xã cần bảo đảm đủ các số liệu trong bảng thống kê dưới đây:

Gia đình học tập	Số gia đình trên địa bàn cấp xã	Số gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập”	Tỷ lệ % GDHT/Gia đình trong xã
Dòng họ học tập	Số dòng họ trên địa bàn cấp xã	Số dòng họ đạt danh hiệu “Dòng họ học tập”	Tỷ lệ % DHHT/Dòng họ trong xã
Cộng đồng học tập	Số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã	Số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập”	Tỷ lệ % CDHT/Cộng đồng trong xã
Đơn vị học tập	Số cơ quan, trường học, tổ sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn xã	Số cơ quan, trường học, tổ sản xuất, doanh nghiệp trên địa bàn xã đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”	Tỷ lệ % ĐVHT/Đơn vị trong xã

Công dân học tập	Tổng số người lớn trên địa bàn xã (không tính học sinh, sinh viên đang đi học)	Tổng số người lớn trong gia đình đạt danh hiệu “Gia đình học tập”	Tỷ lệ % CDHT/người lớn trong xã	Tỷ lệ % CDHT/người lớn trong gia đình
-------------------------	--	---	---------------------------------	---------------------------------------

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình 387, nếu có vướng mắc phát sinh, Hội Khuyến học các cấp trao đổi, tổng hợp ý kiến, báo cáo Trung ương Hội xem xét, điều chỉnh phù hợp.

HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM